TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 174/2018/DSST
Ngày: 26-6-2018
"V/v tranh chấp hợp đồng vay"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G– TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Nhiệm;

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy– Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên toà*:* Ông Nguyễn Văn Quí– Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2018 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2018/QĐST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2018/QĐST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đàm Thị Kim L, sinh năm 1961;

Trú tại: 685 ẤpTh, xã Đ1, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Lưu Minh Tr, sinh năm 1980;

Trú tại: Ấp L, xã Đ2, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Bà L có mặt, anh Tr vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Đàm Thị Kim L trình bày:

Bà và anh Tr không có bà con thân thích, chỉ quen biết do trước đây bà và anh Tr có giao dịch về tiền bạc. Vào ngày 11/01/2016, anh Lưu Minh Tr có đến nhà bà hỏi vay số tiền là 60.000.000đ, thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, anh Tr vay tiền của

bà để cho vay lại, khi vay anh Tr viết biên nhận nợ số tiền là 60.000.000đ, với nội dung như sau:

"dấy mượn tiền

Tôi Lưu Minh Tr có mượn bà 9 L với số tiền 60.000.000 sáu mươi triệu đồng

Ngày 11.1.2016

Ký tên Lưu Minh Tr"

Ngoài ra, cuối biên nhận còn có 01 hàng chữ đã bị bôi đen.

Anh Tr khi viết biên nhận không có ghi lãi suất, cũng không ghi ngày trả lại nhưng thực tế giữa hai bên thỏa thuận, anh Tr sẽ trả lại số tiền trên cho bà dưới hình thức góp hàng ngày, mỗi ngày anh Tr sẽ trả lại vốn và lãi cho bà là 1.200.000đ, góp 55 ngày thì xong. Hàng chữ được bôi đen trong biên nhận là do anh Tr viết, bà đã xóa dòng chữ trên vì thực tế anh Tr không có cầm sổ đỏ nhưng lại viết vào trong biên nhận "con có kèm sổ đỏ" là không đúng. Từ ngày vay đến nay, anh Tr chưa trả cho bà được khoản vốn và lãi nào, việc anh Tr trình bày đã trả cho bà hết vốn vay chỉ nợ tiền lãi là không đúng. Bà đã nhiều lần đến nhà anh Tr để đòi nợ nhưng anh Tr không trả. Ngày 15/01/2018, bà kiện yêu cầu anh Tr trả số tiền vốn là 60.000.000đ và 72.000.000đ tiền lãi, nhưng sau đó bà đã có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện bà chỉ yêu cầu anh Tr trả cho bà số tiền vốn là 60.000.000đ và tiền lãi tính từ khi vay đến khi khởi kiện là 12.000.000đ, tổng cộng vốn và lãi là 72.000.000đ, yêu cầu anh Tr trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh Lưu Minh Tr vắng mặt nhưng theo biên bản ghi lời khai ngày 07/5/2018, anh Tr có trình bày:

Vào ngày 11/01/2016, anh Tr vay của bà L số tiền là 60.000.000đ, thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, mỗi ngày góp 1.000.000đ, anh đã góp được một thời gian nhưng không nhớ rõ trong bao lâu nhưng anh khẳng định đã trả cho bà L hết số tiền vốn là 60.000.000đ. Biên nhận do bà L cung cấp là anh có viết và ký tên nhưng anh không có bôi đen cuối biên nhận, anh không biết ai đã bôi đen dòng chữ trên trong biên nhận, những dòng chữ bôi đen trong biên nhận là do anh viết nhưng hiện nay anh không nhớ nội dung các chữ đã bị bôi đen là gì, khi góp xong 60.000.000đ tiền vốn anh có xin bà L không trả lãi nhưng bà L không đồng ý vì thế hai bên có cãi nhau và anh tuyên bố không qua lại giao dịch với bà L nữa rồi bỏ về, sự việc trên không ai chứng kiến, việc anh trình bày đã góp xong 60.000.000đ tiền vốn cũng không có chứng cứ gì chứng minh cũng không có ai làm chứng vì khi anh vay tiền thì có viết biên nhận nhưng khi trả tiền thì bà L không có viết biên nhận cho ông. Nay anh không đồng ý trả 60.000.000đ tiền vốn, chỉ đồng ý trả 12.000.000đ tiền lãi.

Tại phiên tòa hôm nay, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình; anh Tr vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ mà các bên đang tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét việc anh Lưu Minh Tr đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, lần 2, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Tr vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Tr.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị Kim L, Hội đồng xét xử xét thấy: giữa bà Đàm Thị Kim L với anh Lưu Minh Tr có tham gia giao dịch hợp đồng vay là có thật do các bên đương sự đều thừa nhận. Anh Tr vắng mặt nhưng theo biên bản ghi lời khai ngày 07/5/2018 anh Tr đã trình bày, anh đã góp xong 60.000.000đ tiền vốn nhưng không có chứng cứ gì chứng minh và cũng không có ai làm chứng nên yêu cầu khởi kiện của bà L yêu cầu anh Lưu Minh Tr trả cho bà L số tiền vốn 60.000.000đ là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Bà L yêu cầu anh Tr trả lãi tính từ khi vay là ngày 11/01/2016 đến khi khởi kiện là 15/01/2018 là 02 năm 04 ngày với số tiền là 12.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà L yêu cầu anh Tr trả số tiền lãi là 12.000.000đ là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự và được anh Tr đồng ý anh Tr nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về thời gian trả: Bà L yêu cầu anh Tr trả tiền một lần khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí:

- Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L nên bà L được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Anh Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị Kim L

Buộc anh Lưu Minh Tr có trách nhiệm trả cho bà Đàm Thị Kim L số tiền vốn và lãi là 72.000.000 đồng *(bảy mươi hai triệu đồng),* trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Đàm Thị Kim L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lưu Minh Tr không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Buộc anh Lưu Minh Tr phải chịu 3.600.000 đồng *(Ba triệu sáu trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Đàm Thị Kim L số tiền 3.300.000đ (ba triệu ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai số 39169 ngày 15/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án vắng mặt.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện G;
- THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Đỗ Thị Thu Ngoan